

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/DS-ST
Ngày: 25-8- 2022
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Nay

- Ông Nguyễn Trung Kiên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Chí Công- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “hợp đồng đặt cọc”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1973 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện V, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị T: Ông Kim Điền P, sinh năm 1993. Địa chỉ liên hệ: Số 38 ấp 3, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Đồng bị đơn: Anh Lý Thanh T, năm 1990 và bà Nguyễn Chúc M, sinh năm 1991. Cùng địa chỉ ấp T, xã V, huyện V, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị T trình bày: Từ năm 2016, vợ chồng ông L, bà T đã bắt đầu mua lúa với anh Lý Thanh T. Đến năm 2017, ông Luân thỏa thuận ký hợp đồng với anh T mua 300 công, loại lúa Đài thơm Tám, ký 03 hợp đồng, cụ thể như sau:

Hợp đồng ngày 08 tháng 10 năm 2017, 100 công, 75 tấn lúa, giá 5.750 đồng/kg, đặt cọc 30.000.000 đồng;

Hợp đồng lúc 10 giờ ngày 13 tháng 10 năm 2017 âm lịch, 100 công, 70 tấn lúa, giá 5.750 đồng/kg, đặt cọc 30.000.000 đồng;

Hợp đồng lúc 14 giờ ngày 13 tháng 10 năm 2017 âm lịch, 100 công, 70 tấn lúa, giá 5.750 đồng/kg, đặt cọc 30.000.000 đồng.

Vợ chồng ông L, bà T giao cho anh T số tiền cọc 90.000.000 đồng, sau đó anh T không giao lúa cho vợ chồng ông L, bà T và xin trả cọc, vợ chồng ông L, bà T đồng ý. Vào ngày 17/01/2018, anh T chỉ trả cho vợ chồng ông L, bà T số tiền cọc 40.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng vợ chồng ông L, bà T và anh T viết giấy cam kết ngày 17/01/2018. Vợ chồng ông L, bà T và anh T thỏa thuận đến ngày 17/12/2018 anh T có trách nhiệm thanh toán đủ cho vợ chồng ông L, bà T số tiền 50.000.000 đồng nhưng đến nay anh T vẫn chưa thanh toán số tiền cọc cho vợ chồng ông L, bà T.

Nay vợ chồng ông L, bà T yêu cầu anh T có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông L số tiền cọc 50.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 17/12/2018 đến khi trả hết nợ. Đồng thời, vợ chồng ông L, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Chúc M là vợ anh T, chỉ đặt ra trách nhiệm trả nợ đối với anh T.

Bị đơn anh Lý Thanh T trình bày: Từ năm 2017, anh T có giao dịch mua bán lúa với ông L một lần duy nhất, đến nay không giao dịch gì với nhau. Anh T xác định, Tòa án có đưa cho ông xem các hợp đồng mua bán lúa ngày 08/10/2017, ngày 13/10/2017 và giấy cam kết nợ ngày 17/01/2018 mà ông L cung cấp. Anh T xác định anh T không có ký tên vào các hợp đồng và giấy cam kết mà ông L cung cấp cho Tòa án. Nay anh T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T, ông L về việc trả cho vợ chồng ông L số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng và lãi suất theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Về tố tụng: Đồng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T đối với anh T về tranh chấp hợp đồng đặt cọc; buộc anh T có trách nhiệm thanh toán tiền cọc cho ông L, bà T là 50.000.000 đồng và số tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 17/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/8/2022) là 18.439.833 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T đối với bà Nguyễn Thị Chúc, do ông L, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Về án phí và chi phí giám định: Ông L và bà T không phải chịu. Anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 21 tháng 02 năm 2022, ông L, bà T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp hợp đồng đặt cọc với bị đơn anh Lý Thanh T và bà Nguyễn Thị Chúc M. Khi khởi kiện anh Lý Thanh T, bà Nguyễn Thị Chúc M cư trú tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đồng thời, đồng bị đơn anh Lý Thanh T và bà Nguyễn Thị Chúc M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và bà M theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T về việc yêu cầu anh T, bà M có trách nhiệm thanh toán số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng.

[2.1]. Ông L, bà T xác định, trong năm 2017, ông L có ký kết hợp đồng mua bán lúa với anh T. Ông L đã giao cho anh T số tiền đặt cọc là 90.000.000 đồng. Sau đó vì anh T không giao lúa cho ông L, bà T nên anh T đã trả cho ông L, bà T số tiền cọc 40.000.000 đồng, còn lại số tiền cọc 50.000.000 đồng, ông L và anh T thống nhất viết giấy cam kết, đến ngày 17/12/2018, anh T sẽ thanh toán đủ số tiền trên cho ông L, bà T. Phía anh T không thừa nhận ký tên vào các hợp đồng mua bán lúa và giấy cam kết trả nợ mà ông L cung cấp cho Tòa án. Do đó, ông L đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký anh T tại các tài liệu và 03 hợp đồng mua bán lúa, giấy cam kết cùng các tài liệu so sánh mà Tòa án thu thập.

Căn cứ kết luận giám định số 39/KL-KTHS ngày 10/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B xác định chữ ký “T” trong các tài liệu mà ông L cung với chữ ký “T” trong các tài liệu so sánh là cùng một người ký ra. Từ đó có căn cứ xác định giữa ông L với anh T có xảy ra giao dịch mua bán lúa, anh T có nhận của ông L số tiền cọc là 90.000.000 đồng, và hiện còn nợ ông L, bà T số tiền cọc 50.000.000 đồng. Cần buộc anh T có trách nhiệm thanh toán cho ông L, bà T số tiền cọc 50.000.000 đồng.

[2.2]. Ông L, bà T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà M vợ của anh T ông L và bà T chỉ đặt ra trách nhiệm trả nợ đối với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông L, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà M là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và trái đạo đức xã hội. Do đó, cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T đối với bà M.

[2.3]. Xét yêu cầu tính lãi của ông L, bà T đối với anh T đối với số tiền cọc 50.000.000 đồng từ ngày 17/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 17/01/2018, anh T có viết giấy cam kết cho ông L, hai bên thỏa thuận đến ngày 17/12/2018, anh T sẽ trả đủ số tiền 50.000.000 đồng cho ông L, bà T. Tuy nhiên, anh T không thực hiện đúng cam kết. Việc anh T trả số tiền cọc cho ông L, bà T như đã cam kết đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L và bà T. Từ đó ông L và bà T yêu cầu tính lãi của số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 17/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/8/2022) là hoàn toàn có căn cứ, được tính như sau: $50.000.000 \text{ đồng} \times 44 \text{ tháng} \times 0,83\% = 18.439.833 \text{ đồng}$.

[2.4]. Từ các căn cứ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T đối với anh T. Buộc T có trách nhiệm thanh toán cho ông L, bà T số tiền 68.439.833 đồng, trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền

lãi 18.439.833 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, ông L đối với bà Mụi do ông Luân và bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh T phải chịu số tiền án phí 3.421.992 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Ông L, bà T không phải chịu án phí, ông L, bà T được hoàn lại số tin tạm ứng án phí 1.645.000 đồng theo Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí số 0000897 ngày 04/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

- Chi phí giám định chữ ký: Anh T phải chịu toàn bộ. Ông L, bà T đã nộp tạm ứng chi phí giám định chữ ký với số tiền 8.122.000 đồng đã chi phí hết. Anh T có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Luân và bà T số tiền 8.122.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

[4]. Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị T đối với anh Lý Thanh T về tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

2. Buộc anh Lý Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị T số tiền 68.439.833 đồng (sáu mươi tám triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn tám trăm ba mươi ba đồng), trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 18.439.833 đồng (mười tám triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị Chúc M về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị Chúc M về việc thanh toán số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 17/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí và chi phí tố tụng

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh T phải chịu số tiền án phí 3.421.992 đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm chín mươi hai đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Ông L, bà T không phải chịu án phí, ông L, bà T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 1.645.000 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí số 0000897 ngày 04/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

- Chi phí giám định chữ ký: Anh T phải chịu toàn bộ. Ông L, bà T đã nộp tạm ứng chi phí giám định chữ ký với số tiền 8.122.000 đồng (tám triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng) đã chi phí hết. Ông T có trách nhiệm thanh toán lại cho ông L và bà T số tiền 8.122.000 đồng (tám triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

6. T hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi